

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/09/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+PVD2+IS2	7:25	3+4+15	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
2		TD2+IS2+TD3+BK14	7:25	1+8+8+0	0+0+0+0		5+8+1+7	0+0+0+0	
3		RP2+RP3+P4	9:25	18+0+0	0+0+0		11+10+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ RP3-P4

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
04 NGƯỜI DD3 VÀ BỜ QUA ĐIỂM BK14

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/09/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+RP1	7:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
2		BK9+PPD+P9	7:25	7+15+0	0+0+0		5+13+4	0+0+0	
3		CLO+TD1	7:25	13+9	0+0		11+10	0+0	
4		VSP02+GTC1+RC3	9:25	21+1+0	0+0+0		19+1+2	0+0+0	
5		AMD+TTC2	9:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
6		TD5+BK6+CTK3	9:25	6+0+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ TD5-BK6
7		BK14+P2+P1	11:25	13+4+5	0+0+0		6+2+3	0+0+0	
8		PPD+TD1+RP2	11:25	15+7+0	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
9		CTK3+AMD	11:25	13+9	0+0		9+13	0+0	
10		VSP02+TD1	13:25	18+4	0+0		12+2	0+0	
11		P6	17:25	0	0		0	0	HUẤN LUYỆN

TTĐBSX

Ghi Chú: Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
MSP-6 BAY HUẤN LUYỆN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2018	TO: TD1 - RP1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Thủy - HUNG - Năm	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI SONG TOAN	TD1	77	1	3		72	NHA THAU	Vietnamese
2	BUI VAN LUAN	TD1	28	1	5	45	70	KHOAN	Vietnamese
3	TO DINH TUYNH	TD1	25	1	7	20	70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DUNG	TD1	27	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
5	KOROTKOV V.A	TD1	23	1	5		105	KHOAN	Russian
6	LE TRONG LUONG	TD1	54	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRUONG HOANG KHANH	TD1	53	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG THANG	TD1					55	KHOAN	Vietnamese
9	HUYNH HUU HUNG	TD1	61	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
10	NIKOLAYEV G.M	TD1	64	1	12		90	KHOAN	Russian
11	NGUYEN VAN HUNG	TD1	26	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN MANH LINH	TD1	57	1	15		82	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH HUY TOAN	TD1	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN GIANG	TD1	63	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
15	LE DINH DOAN	TD1	56	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN PHONG	TD1	55	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
17	LUU THIEN DUC	TD1	24	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
18	MAI TUAN KIET	TD1	62	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
19	NINH DUC THUAT	TD1	52	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN QUY	TD1	58-59	2	17		65	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM CONG TIEN	TD1	50	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG QUE	RP1	36-37	2	17	80	67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	21	141	1.511	65	20		
2	RP1	1	2	17	67	80	2		
TOTAL		22	23	158	1.578	145	22		
WEIGHT KG				158	1.578	145			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2018	TO: BK9 - PPD - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: N.Thắng - L.Bình - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU VAN SON	BK9				70	78	KH-THAC	Vietnamese
2	VO THE HAU	BK9					72	KH-THAC	Vietnamese
3	LE TRUONG AN	BK9	02	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TRUNG KIEN	BK9					68	KH-THAC	Vietnamese
5	VU NGOC CANH	BK9	03	1	11		78	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN THUA THAI	BK9	04	1	7	42	61	CODIEN	Vietnamese
7	BUI DUC KHANH	BK9	01	1	4		55	PSV	Vietnamese
8	DUONG TRUONG LAM	PPD	01	1	5		68	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN HUU BAO	PPD	10-11	2	6		76	NHA THAU	Vietnamese
10	LE XUAN MINH	PPD	07	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DINH THANG	PPD	05	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TRUNG	PPD					71	KH-THAC	Vietnamese
13	LE SY KHOA	PPD				20	74	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN VINH	PPD	08	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN QUY	PPD	04	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH BINH	PPD	14	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
17	DO XUAN HA	PPD	12	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
18	TRINH VAN NHA	PPD	02	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG NHAT QUANG	PPD	09	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN VAN THANG	PPD	06	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DANH TUAN	PPD	13	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
22	DOAN VAN THUAN	PPD	03	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	7	4	27	491	112	5	20	
2	PPD	15	14	69	1.051	20	13		
3	P9	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		22	18	96	1.542	152	22		
WEIGHT KG				96	1.542	152			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 9/7/2018	TO: CLO - TDI	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 003	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Vũ	ETA: 09:40
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUKHOMLIN I.N	CLO	58	1	6		121	KHOAN	Russian
2	TU QUỐC VIỆT	CLO	61	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THAI DUƠNG	CLO	66	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN KHANG	CLO	69	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC AN	CLO				40	75	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN QUYNH	CLO	62	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG TRUNG THÔNG	CLO	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THÈ NHŨ	CLO	59	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HỘI	CLO	68	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	67	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	CLO	70	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG THANH MINH	CLO	64-65	2	10	7	60	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU VĂN KHUÔNG	CLO	57	1	5		77	NHA THAU	Vietnamese
14	TELESHENKO IVAN	CLO	56	1	5		120	KHOAN	Russian
15	NGUYỄN DANH QUY	TDI					70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TUẤN	TDI	72	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
17	LE VĂN HOÀN	TDI	73	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG VĂN THƯƠNG	TDI	71	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN HUYNH LÂM	TDI	74	1	13		74	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH TÙNG	TDI	75	1	11		52	KHOAN	Vietnamese
21	ĐỖ VINH TUY	TDI	76	1	10		80	D-HANH	Vietnamese
22	PHẠM HẢI ĐĂNG	TDI	77	1	8	60	70	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	14	14	70	1.049	47	12		
2	TDI	8	7	54	569	60	10		
TOTAL		22	21	124	1.618	107	22		
WEIGHT KG				124	1.618	107			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2018	TO: VSP02 - GTC1 - RC3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 004	FROM: VT	CREW: Thủy - HUNG - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX.W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	85	1	12		85	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	89	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	BODAN KARPENKO	VSP02	92	1	11		85	KH-THAC	Russian
4	SERGIENKO SERGEY	VSP02	84	1	5		90	KH-THAC	Russian
5	LE VAN HIỆP	VSP02	82	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN MINH TUAN THỊNH	VSP02	39-40	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LE THANH HOÀN	VSP02	83	1	5	20	62	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MANH THĂNG	VSP02	87	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI ANH SON	VSP02	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN LE MINH TUAN	VSP02	86	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐANG VIỆT THANH	VSP02	93	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TA VAN CUONG	VSP02	95-96	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN THE CUONG	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN LUONG HA	VSP02	88	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO ĐỨC TRI	VSP02	41-42	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN HIỆP	VSP02	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUY PHUC	VSP02	90	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN GIA KHANH	VSP02	97-99	3	15		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN GIANG	VSP02	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN GIA LONG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN ĐÔNG	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HAM CHUNG	GTC1	08	1	6	35	65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	21	23	132	1.542	20	17		
2	GTC1	1	1	6	65	35	3		
3	RC3	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	24	138	1.607	95	22		
WEIGHT KG				138	1.607	95			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2018	TO: AMD - TTC2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: N.Thắng - L.Bình - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH DUY	AMD	08	1	9	110	59	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	26	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN LÊ HOÀ	AMD	23	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI SY QUYEN	AMD	35	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HOANG	AMD	30	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	18	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THUY	AMD	22	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ QUANG HUAN	AMD	21	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LE VAN PHANG	AMD	06	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN HỮU ĐĂNG	AMD	15-16	2	11		79	KH-THAC	Vietnamese
12	VÔ TRUNG HIỆU	AMD	05	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC THẮNG	AMD	11	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HONG LINH (PVDT)	AMD	01	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
15	LE HONG THAI (PVDT)	AMD	24-25	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	10	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU CUONG	AMD	02-03	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LE ĐỨC TÂM	AMD	17	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH HỮU TÍNH	AMD	09	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH XUÂN TOÀN	AMD	19-20	2	14		61	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN CUNG	AMD	12-14	3	20		66	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	07	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	28	177	1.524	110	21		
2	TTC2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	28	177	1.524	110	22		
WEIGHT KG				177	1.524	110			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2018	TO: TD5 - BK6 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Vũ	ETA: 11:30
NAU 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UDACHIN D.V.	TD5	02	1	10		77	DVL	Russian
2	NGUYEN VAN THANH	TD5	03	1	11		80	DVL	Vietnamese
3	TÀ MINH UY	TD5	01	1	12		61	DVL	Vietnamese
4	PHAN ĐĂNG TUAN	TD5	04	1	11		57	DVL	Vietnamese
5	PHAN VINH TRUONG	TD5	05	1	10		65	DVL	Vietnamese
6	PHAM HONG QUY	TD5	06	1	10	42	69	DVL	Vietnamese
7	BUI THE DIEN	CTK3	16	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG VAN MẠNH	CTK3	19-20	2	7		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CUONG	CTK3	24	1	7		47	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	21	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH ĐỨC	CTK3	13-14	2	9		74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	09-10	2	7		61	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ĐỨC HUNG	CTK3	23	1	6		46	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN MINH	CTK3	15	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VAN BAC	CTK3				55	53	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO THÈ HUNG	CTK3	17	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM BA HOANG	CTK3	18	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	25	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	22	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ NGỌC DUONG	CTK3	11	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG ĐỨC HAI	CTK3	12	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	6	64	409	42	0	12	CHUYEN 2 PAX TU TD5 SANG BK6
2	BK6	0	0	0	0	32	0		
3	CTK3	16	17	86	1.010	55	22		
TOTAL		22	23	150	1.419	129	22		
WEIGHT KG				150	1.419	129			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2018	TO: BK14 - P2 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - Thủy - Toan	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUYNH ĐỨC	BK14	07	1	17		52	KHOAN	Vietnamese
2	CHERNHIAVSKY	BK14	15	1	7		115	KH-THAC	Russtan
3	LUONG XUAN THANH	BK14	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	LE ANH TUAN	BK14	16	1	5	25	82	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG TUAN ANH	BK14	11	1	10	28	85	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU SY	BK14	12	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	SU HUU QUYNH	BK14	10	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐO QUANG TẠO	BK14	03	1	5		71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN KHAC THINH	BK14	04	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN KHOA	BK14	05-06	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM VAN PHUC	BK14	08-09	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐINH TUNG LAM	BK14	14	1	5		70	T-TIN	Vietnamese
13	PHAM NGOC NINH	BK14	13	1	6		75	PSV	Vietnamese
14	LE XUAN TUNG	P2	66-67	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG VAN THANH	P2	70-72	3	17		62	XAYLAP	Vietnamese
16	VÔ TA HOAN	P2	73-74	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
17	LE VAN LAM	P2	68-69	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
18	VU MINH ĐỨC	P1	71-72	2	18		90	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN QUY	P1	69	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
20	VU ĐỨC SANG	P1	73	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MANH CUONG	P1	67-68	2	15		95	KH-THAC	Vietnamese
22	KOSTIKIN	P1	70	1	15		120	NIPI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	13	15	114	967	53	6		
2	P2	4	9	61	287	0	2		
3	P1	5	7	72	443	0	3		
TOTAL		22	31	247	1.697	53	11		
WEIGHT KG				247	1.697	53			

GRAND TOAL: 1.997 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2018	TO: PPD - TD1 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - DTung	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUY HOANG	PPD					90	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH NAM	PPD	30	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC CU	PPD	24	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO SACH ĐUC	PPD	28	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN SON	PPD	29	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN BAY	PPD	31	1	10		74	KHI	Vietnamese
7	BUI VAN DUNG	PPD	26	1	5		67	KHI	Vietnamese
8	LE MINH KHA	PPD	27	1	6	90	68	KHI	Vietnamese
9	FIRSOV	PPD	25	1	7		94	ANTOAN	Russian
10	ĐOAN XUAN PHONG	PPD	16	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese
11	LE VAN LOI	PPD	20	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
12	KHONG QUOC TIEN	PPD	18-19	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HIEN	PPD	17	1	5		67	PSV	Vietnamese
14	LE TIEN DUNG	PPD	21-22	2	17		82	PVGAS	Vietnamese
15	NGUYEN DUY DAN	PPD	23	1	15		75	PVGAS	Vietnamese
16	HA VAN CANH	TD1	87	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
17	SEREBROV	TD1	84	1	10		80	VTB	Russian
18	LE VAN UAN	TD1	88	1	10	20	58	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC PHU	TD1	86	1	4		65	PSV	Vietnamese
20	HOANG VAN BAY	TD1	85	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	TRIEU MINH HONG	TD1					66	PSV	Vietnamese
22	HOANG MINH PHONG	TD1	89	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	16	125	1.066	90	10		
2	TD1	7	6	44	457	20	4		
3	RP2	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	22	169	1.523	110	22		
WEIGHT KG				169	1.523	110			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2018	TO: CTK3 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 12:00
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Vũ	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VIET HUNG	CTK3	61	1	4	40	69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CUONG	CTK3	70	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI MINH HAI	CTK3	67	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH QUANG HOAN	CTK3					62	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG VAN HAI	CTK3	59	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGHIA TIN	CTK3	65-66	2	11		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VIET LONG	CTK3	62	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH DIEN	CTK3	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	68	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	64	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	63	1	3		49	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO SY DUC	CTK3	60	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI TIEN DUNG	CTK3	58	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	HO TRAN PHUONG ĐONG	AMD	20	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ĐUC NHA	AMD	100	1	9		54	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN THI	AMD	22	1	6		63	PSV	Vietnamese
17	KIEU VAN TUAN	AMD	99	1	5		75	PSV	Vietnamese
18	TRAN QUOC THANG	AMD	23	1	6		62	PSV	Vietnamese
19	LE ĐAC ĐONG	AMD	26-27	2	8		55	PSV	Vietnamese
20	TRAN NGOC BINH	AMD	21	1	6		62	PSV	Vietnamese
21	LE CONG VIET	AMD	25	1	5		54	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN LAM THANG	AMD	24	1	5		88	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	13	70	919	40	9		
2	AMD	9	10	59	575	0	13		
TOTAL		22	23	129	1.494	40	22		
WEIGHT KG				129	1.494	40			

GRAND TOAL: 1.663 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2018	TO: VSP02 - TD1	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HUNG - Thủy - Toan	ETA: 15:40
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY HOAN	VSP02	53	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN BINH	VSP02	51	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC CHIEN	VSP02	54	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN MINH DAN	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOAN THANH MAI	VSP02	61	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	56	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG QUANG TUYEN	VSP02	55	1	3	80	64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN QUANG	VSP02	62	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM HUU DAT	VSP02	60	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HUY THONG	VSP02	52	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THE VINH	VSP02	72	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	ARTIUSHIN	VSP02	58	1	14		86	ANTOAN	Russian
13	HOANG MINH TAN	VSP02	59	1	9		81	YTE	Vietnamese
14	CAO VAN THANH	VSP02	64-65	2	12		55	PHATECO	Vietnamese
15	NGO SY HA	VSP02	07	1	7		55	PHATECO	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC PHI	VSP02	63	1	5		73	PHATECO	Vietnamese
17	TRUONG VAN HONG	VSP02	66-67	2	15		58	PHATECO	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN THUAT	TD1	91	1	4		77	PSV	Vietnamese
19	ĐẬU ĐỨC HUNG	TD1	95	1	4		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN THANH CONG	TD1	93	1	4		69	PSV	Vietnamese
21	ĐẬU VIỆT BẠC	TD1	94	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	HO VAN HAU	TD1	92	1	4		63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	17	18	103	1.177	80	14		
2	TD1	5	5	21	354	0	3		
TOTAL		22	23	124	1.531	80	17		
WEIGHT KG				124	1.531	80			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/09/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	
1		BK4+P5+P6++TD2	7:25	8+2+11	0+0+0	1+0+21	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/09/2018	TO: BK4 - P5 - P6 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 001	FROM: VT	CREW: Khang - MTuân - Toan	ETA: 09:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG QUANG TRUNG	BK4	25	1	5	40	98	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN TUAN NINH	BK4	26-27	2	8		73	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG MY TRUONG	P5	20	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN DOAN DOAN	P5	24	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HAI	P5	25	1	6		58	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐANG THANH SON	P5	19	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN TUAN NGOC	P5	26	1	5		57	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM DUY DEN	P5	21	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN BA DIEN	P5	22	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN DINH THANG	P5	23	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
11	DAO VAN THANG	P5	27	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
12	DOROSHENKO M.K	TD2	15	1	9		95	KHOAN	Russian
13	LE MINH ĐỨC*TT	TD2	07	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VAN KHAI	TD2	03	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
15	LE TUAN NGHIA	TD2	05	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	HA VAN LINH	TD2	16	1	6		90	KHOAN	Vietnamese
17	VU ĐỨC THANH	TD2	06	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	LE VAN NAM	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
19	MAI ĐỨC THÂN	TD2	900	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
20	DINH VAN TAI	TD2	02	1	4		50	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN CHI ĐỨC	TD2	01	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
22	PHAM THE CHUYEN	TD2	04	1	5		63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	2	3	13	171	40	0		
2	P5	9	9	88	580	0	1		
3	P6	0	0	0	0	0	1		
4	TD2	11	10	56	796	0	20		
TOTAL		22	22	157	1.547	40	22		
WEIGHT KG				157	1.547	40			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/09/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+TD3+PPD	7:25	5+15+2	0+0+0		0+15+7	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ TD3-PPD
2		TTC3+TD5+CLO	7:25	3+11+8	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
3		CLO+RC3	9:25	22+0	0+0		14+6	0+0	

TPDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
2 NGUOI PVGAS VỀ QUA PPD + 5 HD



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/09/2018	TO: P1 - TD3 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Vận - TÙNG - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐỨC	P1	82	1	5		77	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG TIÊN TOÀN	P1	74-75	2	20		68	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN DUNG	P1	76-77	2	13		53	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN BA THUAN	P1	78-79	2	16		65	CODIEN	Vietnamese
5	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P1	80-81	2	10		78	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TAM	TD3	13-14	2	28		70	YTE	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THẮNG	TD3					86	KHOAN	Vietnamese
8	LƯU QUYẾT THẮNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM THANH DỪNG	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẶNG HUY LONG	TD3	20	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
11	PHÙNG VĂN XUYẾN	TD3	23	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ TU HỢP	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	16	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
14	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	19	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NGỌC NGHĨA	TD3	15	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD3	21,24	2	13		73	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC DỪNG	TD3	18	1	2	15	74	KHOAN	Vietnamese
18	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	22	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH TIẾN	TD3	17	1	9		90	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ ANH MINH	PPD	85-86	2	17		72	T-TIN	Vietnamese
21	TRƯỜNG QUANG TUU	PPD	87	1	5		70	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	5	9	64	341	0	0		
2	TD3	14	12	94	1.009	15	15		
3	PPD	2	3	22	142	0	2		
TOTAL		21	24	180	1.492	15	17		
WEIGHT KG				180	1.492	15			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/09/2018	TO: TTC3 - TD5 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TUYEN - LBinh - PTUAN	ETA: 09:35

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN HUY	TTC3	80	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
2	DO CONG PHONG	TTC3	81-82	2	7		70	XAYLAP	Vietnamese
3	LE CANH TU	TTC3	79	1	5		62	XAYLAP	Vietnamese
4	VO SI HOAI THANH	TD5	17	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH THU	TD5	11	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN HOANG LAM	TD5	18	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NGOC DANH	TD5	20	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
8	LE TIEN DUNG	TD5	16	1	3	40	72	KHOAN	Vietnamese
9	LE HUY TIEN HAI	TD5	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	ĐANG MINH KHAI	TD5	10	1	2		85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NGA	TD5	19	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TUAN	TD5	14	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
13	TA HOAI TRANG	TD5	09	1	3		71	ANTOAN	Vietnamese
14	LE VIET PHONG	TD5	12-13	2	19		61	DVL	Vietnamese
15	VOROBIEV S.L	CLO	79	1	5		95	KHOAN	Russian
16	BUI VAN LOI	CLO	13	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
17	LE VAN PHU	CLO	78	1	5		75	YTE	Vietnamese
18	DATSKO P.D	CLO	80	1	11		105	KHOAN	Russian
19	TRINH DUY THANH	CLO	75	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN TRUNG THANH	CLO	76	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LOC	CLO	74	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN SINH	CLO	77	1	5		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	3	4	22	207	0	0		
2	TD5	11	12	58	744	40	9		
3	CLO	8	8	47	640	0	13		
TOTAL		22	24	127	1.591	40	22		
WEIGHT KG				127	1.591	40			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/09/2018	TO: CLO - RC3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Văn - TÙNG - DTùng	ETA: 11:10
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC LUÂN	CLO					86	KHOAN	Vietnamese
2	CHU ĐỨC AI	CLO	84,93	2	6		75	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG THAI ANH	CLO	34	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
4	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	35	1	3		81	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	45	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TRUNG KIẾN	CLO	41	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
7	PHẦN ĐÌNH NHẬT	CLO	81-83	3	25		69	NHA THAU	Vietnamese
8	NG ĐÌNH THANH HAI	CLO	53-54	2	20		60	NHA THAU	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN SƠN	CLO	43-44	2	20		68	NHA THAU	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TUẤN	CLO	85	1	10		74	NHA THAU	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TÙNG	CLO	48	1	10		65	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN BA HÙNG	CLO	51-52	2	20		80	DVL	Vietnamese
13	ĐỖ TRỌNG HIỀN	CLO	47	1	10		70	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY ĐÔNG	CLO	37	1	3		68	PSV	Vietnamese
15	MAI TỬ HAI	CLO	46	1	3		68	PSV	Vietnamese
16	LÊ MINH MINH	CLO	36	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	HOANG HỮU THƯ	CLO	39	1	3		73	PSV	Vietnamese
18	VŨ MẠNH HƯƠNG	CLO	38	1	4		55	PSV	Vietnamese
19	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	42	1	5		85	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TUẤN	CLO	40	1	5		75	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH TÙNG	CLO	50	1	5		73	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH HẬU	CLO	49	1	5		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	27	174	1.596	0	15		
2	RC3	0	0	0	0	35	3		
TOTAL		22	27	174	1.596	35	23		
WEIGHT KG				174	1.596	35			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN